

Thực trạng và giải pháp đảm bảo sinh kế bền vững cho cộng đồng dân cư ven đô Hà Nội trong quá trình đô thị hóa

Bùi Văn Tuấn*

*Viện Việt Nam học và Khoa học Phát triển, Đại học Quốc gia Hà Nội,
336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 08 tháng 10 năm 2015

Chỉnh sửa ngày 16 tháng 10 năm 2015; Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 11 năm 2015

Tóm tắt: Sinh kế, sinh kế bền vững có vai trò quan trọng đối với cộng đồng dân cư trong quá trình đô thị hóa. Trên cơ sở tiếp cận khung sinh kế bền vững, bài viết phân tích một số vấn đề lý luận về sinh kế và vận dụng nghiên cứu sinh kế của cộng đồng dân cư vùng ven đô trong quá trình đô thị hóa qua trường hợp quận Bắc Từ Liêm. Nghiên cứu đánh giá thực trạng sinh kế của cộng đồng dân cư quận Bắc Từ Liêm, xác định những nhân tố thuận lợi và cản trở hộ gia đình tiếp cận các nguồn lực phát triển sinh kế. Trên cơ sở đó đưa ra những giải pháp nâng cao và đảm bảo sinh kế bền vững cho cộng đồng dân cư dưới tác động của quá trình đô thị hóa trong bối cảnh phát triển và hội nhập.

Từ khóa: Sinh kế, nguồn lực sinh kế, đô thị hóa, cộng đồng, ven đô, Bắc Từ Liêm.

1. Đặt vấn đề

Sinh kế được hiểu đơn giản là phương tiện đảm bảo đời sống của con người. Sinh kế có thể được xem xét ở các mức độ khác nhau, trong đó phổ biến nhất là sinh kế quy mô hộ gia đình [1]. Trên thế giới, đã có nhiều thành tựu quan trọng nghiên cứu sinh kế cộng đồng. Các công trình bước đầu gắn với các khái niệm và phương pháp từ các nghiên cứu đói nghèo ở nông thôn. Điển hình như nghiên cứu của Chambers, Robert (1983) lập luận rằng hộ gia đình có thu nhập thấp hướng tới sinh kế bền vững thông qua việc chống lại tính dễ bị tổn thương khi gặp rủi ro và bất an bằng cách thế chấp cả tài sản hữu hình và tài sản vô hình [2]. Đối với Carney (1998), cho rằng sinh kế bao gồm các khả năng,

tài sản (gồm cả vật chất, nguồn lực xã hội) và các hoạt động cần thiết để sống [3]. Hay Cục Phát triển Quốc tế Vương quốc Anh (DFID) và tổ chức CARE Quốc tế đã phát triển khung lý thuyết về sinh kế, sinh kế bền vững. Dựa trên khung lý thuyết này, rất nhiều các nghiên cứu đã được triển khai và mở rộng các khung lý thuyết cho sinh kế nông thôn. Các chính sách để xác định sinh kế cộng đồng dân cư theo hướng bền vững được xác định liên quan chặt chẽ đến bối cảnh kinh tế vĩ mô và liên quan đến các yếu tố bên ngoài. Tiêu biểu cho các nghiên cứu này là Ellis (2000), đã chỉ ra mức độ quan hệ của tăng trưởng kinh tế, cơ hội sinh kế và cải thiện đời sống của người dân. Đồng thời nhấn mạnh vai trò của thể chế, chính sách cũng như các mối liên hệ và hỗ trợ xã hội đối với cải thiện sinh kế và xóa đói giảm nghèo. Nghiên cứu khẳng định sự bền vững của sinh kế cộng đồng phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: khả năng

*ĐT: 0989815686

Email: tuanbv@vnu.edu.vn

trang bị nguồn vốn, trình độ lao động, các mối quan hệ trong cộng đồng và chính sách phát triển sinh kế [4].... Mỗi công trình lại có một hướng tiếp cận nghiên cứu riêng, những kết quả nghiên cứu tập hợp lại tạo thành một bức tranh đa dạng, phong phú về sinh kế cộng đồng trong quá trình phát triển và có ý nghĩa gợi mở vấn đề, cung cấp nhiều thông tin có giá trị làm cơ sở cho việc nghiên cứu sinh kế cộng đồng trong bối cảnh đô thị hóa ở Việt Nam hiện nay.

Ở Việt Nam, thời gian gần đây đã có nhiều chương trình, dự án hỗ trợ cộng đồng dân cư chuyển đổi và nâng cao sinh kế theo hướng bền vững. Những hoạt động sinh kế của người dân chịu ảnh hưởng rất lớn từ nhiều yếu tố khác nhau, trong đó có các yếu tố về các nguồn lực (tự nhiên, xã hội, con người, vật chất và cơ sở hạ tầng...). Nghiên cứu thực trạng và xu thế biến đổi sinh kế của cộng đồng dân cư ven đô¹ là cơ sở quan trọng cho việc đề xuất các giải pháp hữu hiệu và có tính khả thi nhằm chuyển đổi và đảm bảo sinh kế bền vững cho cộng đồng dân cư ven đô trong quá trình đô thị hóa hiện nay.

Bài viết dựa trên kết quả nghiên cứu của đề tài “Đô thị hóa tác động đến sinh kế của cộng đồng dân cư vùng ven đô Hà Nội”, mã số QG.14.63 (đề tài cấp Đại học Quốc gia Hà Nội)², được thực hiện trong năm 2014, với dung

¹ Khái niệm “vùng ven-peri-urban” là một vùng nóng đang có chuyển động đô thị hóa. Vùng này là điểm quá độ, là khu đệm giữa nông thôn và thành thị, giữa cái yên tĩnh và cái sôi động, giữa cái chặt chẽ của nông thôn và cái thoáng mở của thành thị, là nơi chuyển đổi nhu cầu của nông thôn vào dân đô thị, và ngược lại mang lối sống của đô thị vào nông dân. Nói một cách ngắn gọn nhất, “vùng ven” hay “vùng ven đô” là vùng trung gian giữa nội thị (nơi đã hoàn thành cơ bản quá trình đô thị hóa) với khu vực ngoại thành (nơi còn đậm chất nông thôn, mới bắt đầu hoặc đang trong quá trình đô thị hóa) của một đô thị cụ thể. Xem thêm Michael Leaf (2010), Những biên giới đô thị mới: Quá trình đô thị hóa vùng ven đô và (tái) lãnh thổ hóa ở Đông Nam Á, Việt Nam học, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế lần thứ 3, Việt Nam: Hội nhập và Phát triển, Tập IV, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, tr 461.

² Trong khuôn khổ của đề tài này, trong năm 2014 một khảo sát xã hội học đã được tiến hành tại 5 phường của quận Bắc Từ Liêm, bao gồm các phường Tây Tựu, Minh Khai, Liên Mạc, Thụy Phương, Xuân Đình. Quy mô và cơ cấu mẫu của cuộc khảo sát như sau: mỗi phường 2 tổ dân cư; mỗi tổ dân cư khảo sát 50 hộ gia đình đang cư trú tại địa bàn quận Bắc Từ Liêm. Dung lượng mẫu khảo sát đã tiến hành trên thực tế

lượng mẫu 500 hộ gia đình được chọn ngẫu nhiên thuận tiện, và xử lý thống kê bằng phần mềm SPSS 18.0. Bài viết tập trung phân tích đánh giá thực trạng sinh kế của cộng đồng dân cư quận Bắc Từ Liêm, xác định những nhân tố thuận lợi và cản trở hộ gia đình tiếp cận các nguồn lực phát triển sinh kế. Trên cơ sở đó đưa ra những giải pháp nâng cao và đảm bảo sinh kế bền vững cho cộng đồng dân cư dưới tác động của quá trình đô thị hóa hiện nay.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu sinh kế

2.1. Sinh kế và sinh kế bền vững

Sinh kế bao gồm năng lực, tài sản (dự trữ, nguồn lực, yêu cầu, tiếp cận) và các hoạt động cần có để bảo đảm phương tiện sinh sống. Và sinh kế chỉ bền vững khi nó có thể đương đầu và phục hồi sau các cú sốc hoặc cải thiện năng lực, tài sản, cung cấp các cơ hội sinh kế bền vững cho các thế hệ kế tiếp; và đóng góp lợi ích cho các sinh kế khác ở cấp độ địa phương hoặc toàn cầu, trong ngắn hạn và dài hạn³. Khái niệm cho thấy “Sinh kế” bao gồm các nguồn lực tự nhiên, kinh tế, xã hội và văn hóa mà các cá nhân, hộ gia đình, hoặc nhóm xã hội sở hữu có thể tạo ra thu nhập hoặc có thể được sử dụng, trao đổi để đáp ứng nhu cầu của họ. Hiểu biết và đánh giá đúng cũng như biết huy động tối đa các nguồn lực sẽ thúc đẩy quá trình phát triển sinh kế của cộng đồng. Các nước đang phát triển muốn nhanh chóng thoát khỏi tụt hậu, cần phát hiện và sử dụng hợp lý các nguồn lực sẵn có và gia tăng khả năng tiếp cận các nguồn lực sinh kế này bằng cách sở hữu hay sử dụng được hiểu là hỗ trợ cho phát triển sinh kế bền vững. Về mặt xã hội, sinh kế bền vững là khi nó có thể chống chịu hoặc hồi sinh từ những thay đổi lớn và có thể cung cấp cho thế hệ tương lai.

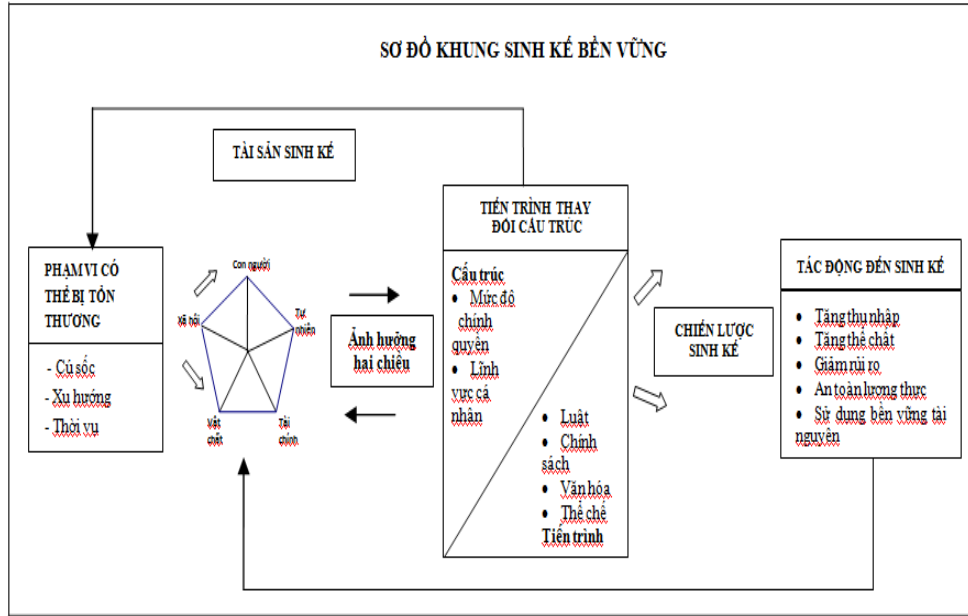
2.2. Phân tích khung sinh kế

là 500 hộ gia đình. Cùng với khảo sát định lượng, ở mỗi phường tổ chức 2 thảo luận nhóm và 10 phỏng vấn sâu.

3 Sdd, tr296

Khi tiếp cận sinh kế, chúng ta không chỉ miêu tả, phân tích các khía cạnh kinh tế - xã hội, mà cần phải phân tích khung sinh kế. Khung sinh kế là một công cụ được xây dựng

nhằm phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến sinh kế của con người và tác động qua lại giữa chúng.



Hình 1. Phân tích khung sinh kế của DFID (2001).

Phân tích tài sản sinh kế hộ theo DFID (2001) bao gồm 5 nguồn lực chính: (1) Nguồn lực tự nhiên; (2) Nguồn lực con người; (3) Nguồn lực xã hội; (4) Nguồn lực tài chính; (5) Nguồn lực vật chất.

Nguồn vốn sinh kế không chỉ thể hiện ở trạng thái hiện tại mà còn thể hiện khả năng thay đổi trong tương lai. Chính vì thế khi xem xét nguồn lực, con người không chỉ xem xét hiện trạng các nguồn lực sinh kế mà cần có sự xem xét khả năng hay cơ hội thay đổi của nguồn lực đó như thế nào ở trong tương lai.

Phương pháp điều tra xã hội học và phân tích tài liệu thống kê kinh tế-xã hội đã được vận dụng theo tiếp cận khung sinh kế nêu trên để đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp đảm bảo và nâng cao sinh kế cho cộng đồng dân cư ven đô trong quá trình đô thị hóa qua trường hợp quận Bắc Từ Liêm

3. Các nguồn lực sinh kế của cộng đồng dân cư quận Bắc Từ Liêm

Nguồn lực là tổng thể vị trí địa lý, các nguồn tài nguyên thiên nhiên, hệ thống tài sản quốc gia, nguồn nhân lực, đường lối chính sách, vốn và thị trường..., có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của từng khu vực, mỗi quốc gia, mỗi vùng lãnh thổ nhất định.

Nằm trong khu vực vùng ven đô, Bắc Từ Liêm đang có tốc độ đô thị hóa nhanh và diễn ra trên diện rộng. Cơ cấu kinh tế-xã hội có nhiều biến đổi, cơ sở hạ tầng kỹ thuật được xây dựng, nhiều khu đô thị hiện đại xuất hiện, đời sống của người dân có nhiều khởi sắc. Nếu như trước những năm 2000, Từ Liêm (nay là Bắc Từ Liêm và Nam Từ Liêm) là huyện thuần nông thì hiện nay nông nghiệp không còn là hoạt động chính, thay vào đó là các ngành nghề kinh tế phi nông nghiệp. Để phát triển nhanh chóng thoát khỏi nền kinh tế thuần nông và tận dụng tốt các tiềm

năng của đô thị hóa, Bắc Từ Liêm cần nghiên cứu và đánh giá đúng cũng như biết huy động tối đa các nguồn lực thúc đẩy quá trình chuyển đổi và phát triển sinh kế cho cộng đồng dân cư một cách bền vững.

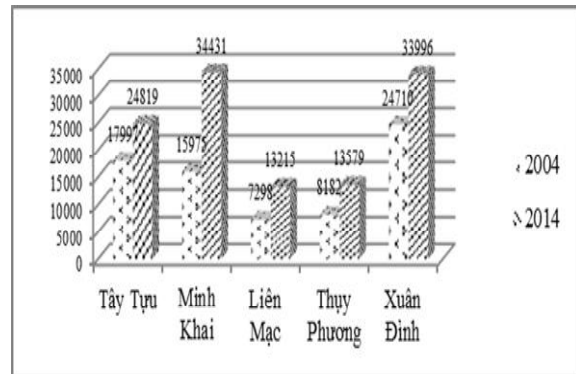
3.1. Nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng trong việc lựa chọn sinh kế cho hộ gia đình bởi lẽ trong bất kì loại hình sản xuất nào yếu tố con người luôn là sự quan tâm hàng đầu. Yếu tố con người/người lao động trong sản xuất được đánh giá bởi nhiều yếu tố như độ tuổi, trình độ học vấn và đào tạo chuyên môn, trình độ tay nghề, năng suất lao động, ...

Theo kết quả khảo sát, các hộ gia đình ở bắc từ Liêm đều có từ 1 đến 3 lao động chính trở lên, trong đó, số lao động chính là nữ thấp hơn so với lao động nam (44,1% so với 55,9%). Lao động có trình độ học vấn THPT chiếm tỷ lệ cao nhất 41,5%; tiểu học 32,8%, cao đẳng, đại học 11,9%, trung cấp, dạy nghề 13,8%.

Để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trong những năm qua, công tác hướng nghiệp, dạy nghề và giới thiệu việc làm ở Bắc Từ Liêm được chính quyền chú trọng, đặc biệt đối với các hộ gia đình bị thu hồi đất. Hầu hết lao động chính của các gia đình này đều được tham gia các chương trình hướng nghiệp, chuyển đổi việc làm do địa phương tổ chức. Từ cuối năm 2013 đến quý 3 năm 2014, Bắc Từ Liêm đã tổ chức dạy nghề thường xuyên và sơ cấp nghề cho hơn 400 lao động; tổ chức tập huấn cho các hộ gia đình ở các phường Minh Khai, Đông Ngạc, Liên mạc, Tây Tựu, Cổ Nhuế 2.... Nhiều lao động tham gia tập huấn chuyển đổi nghề, tự tạo việc làm, có thu nhập ổn định, cải thiện cuộc sống góp phần chuyển đổi nghề nghiệp, việc làm cho cá nhân và nâng cao thu nhập, mức sống cho hộ gia đình.

Ngoài ra, hàng năm Bắc Từ Liêm còn tiếp nhận một lượng lớn nguồn nhân lực chất lượng cao di cư đến, phần lớn là các lao động từ các tỉnh thành khác trong cả nước, sau khi có công việc ổn định ở Hà Nội đã tìm đến đây mua đất, nhà sinh sống. Dưới đây là sơ đồ cho thấy mức độ gia tăng dân số các xã được khảo sát ở Bắc Từ Liêm từ năm 2004 đến 2014.



Biểu đồ 1. Mức độ thay đổi dân số của một số phường ở Bắc Từ Liêm.

Nguồn: Số liệu điều tra tháng 9/2014 tại Bắc Từ Liêm

Với nguồn nhân lực dồi dào, chất lượng lao động ngày một tăng, tương lai phát triển của Bắc Từ Liêm là nhiều hứa hẹn. Theo kết quả nghiên cứu, đa số người dân được hỏi đều cho rằng trong tương lai Bắc Từ Liêm cần tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao (chiếm 72,1%) và 86,9% cho rằng cần hướng nghiệp, chuyển đổi sinh kế cho các hộ dân không còn đất nông nghiệp.

3.2. Nguồn lực vật chất

Nguồn lực vật chất ở đây được hiểu là cơ sở hạ tầng, vật chất, kỹ thuật, phương tiện sản xuất hoặc, bao gồm cả những tài sản của cộng đồng và tài sản của các hộ gia đình. Tài sản của cộng đồng chính là các yếu tố của cơ sở hạ tầng (kỹ thuật và xã hội) phục vụ sản xuất và sinh hoạt như: điện, đường giao thông, trường học, trạm y tế, công trình thủy lợi, thông tin liên lạc. Còn tài sản của hộ gia đình thì bao gồm tất cả các tài sản phục vụ sản xuất và sinh hoạt của hộ.

Đối với tài sản của cộng đồng, những năm gần đây, cơ sở hạ tầng của Bắc Từ Liêm được xây dựng theo hướng đô thị hiện đại, khớp nối với hạ tầng giữa khu dân cư truyền thống và các khu đô thị mới. Hệ thống đường giao thông nhiều tuyến được xây dựng mới, trường học, trạm y tế, nhà văn hoá, các loại thiết bị giáo dục được bổ sung nâng cấp, không gian công cộng được quy hoạch mở rộng và xây dựng,... Theo quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội, đến năm 2015, Bắc Từ Liêm sẽ cơ bản hoàn thành hạ tầng kinh tế-xã hội, đặc biệt hệ thống hạ tầng khung và đến 2020 sẽ hoàn

thiện và nâng cao chất lượng hạ tầng đô thị⁴.

Đối với tài sản hộ gia đình, đã được các hộ dân đầu tư cơ giới hóa để nâng cao năng suất, chất lượng nông sản. Trong số những người được hỏi, 68,9% cho biết gia đình họ đã hoàn toàn cơ giới hóa các khâu sản xuất nông nghiệp và dịch vụ. Hiện nay họ còn từng bước sử dụng máy móc vào sản xuất, kinh doanh.

Ngoài ra, Các cá nhân và hộ gia đình đã thực hiện kiên cố hóa nhà ở trang bị những tiện nghi, đồ dùng gia đình – những tiêu chí phản ánh một phần mức sống đang được cải thiện của họ. Đô thị hóa đã dẫn tới tỷ lệ nhà kiên cố tăng lên đáng kể so với trước khi thu hồi đất, trong khi tỷ lệ nhà tạm và nhà cấp 4 giảm xuống. Kết quả khảo sát cũng cho thấy nguồn vốn tài sản cá nhân, hộ gia đình có sự tăng lên đáng kể trong quá trình đô thị hóa, một phần là nhờ ở khoản tiền lớn từ bồi thường do thu hồi đất. Có thể thấy sự chuyển đổi từ nguồn vốn tài chính sang nguồn vốn vật chất ở đây. Tuy nhiên, đnags chú ý là nguồn vốn vật chất này đa số chỉ các là phương tiện sinh hoạt chứ không phải là phương tiện sản xuất.

3.3. Nguồn lực tài chính

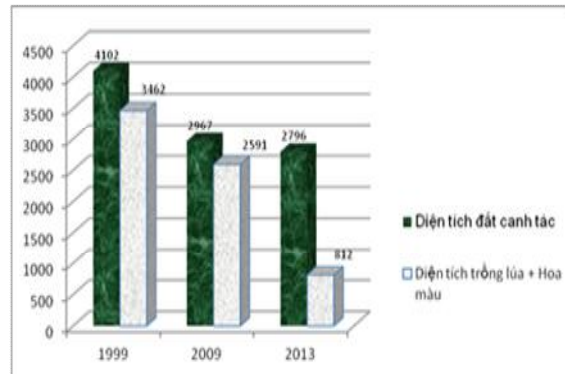
Nguồn lực tài chính hay còn được gọi là vốn tài chính, bao gồm các nguồn lực tài chính mà hộ gia đình có thể tiếp cận và sử dụng để đạt được mục đích sinh kế của họ. Quá trình đô thị hóa và phát triển đô thị ở Bắc Từ Liêm đã tạo nên một dòng vốn tài chính lớn chảy từng hộ gia đình và cả cộng đồng. Dòng vốn này bắt nguồn từ mức tăng giá đất rất cao ở khu vực này. Nếu như vào những năm 2000, giá đất Từ Liêm khoảng 2-8 triệu/m² thì hơn mười năm sau (2010-2012) giá đất ở đây bình quân lên tới 70-80 triệu đồng/ m², tại những vị trí đẹp, mặt đường giá đất còn cao hơn nữa. Kết quả khảo sát cho thấy, trong thập niên vừa qua, trên 80% các hộ gia đình ở Bắc Từ Liêm có bán đất ở của gia đình với quy mô khác nhau.

Ngoài nguồn vốn trên, người dân Bắc Từ Liêm còn có thể tiếp cận các nguồn vốn khác ở

địa phương để có thể chuyển đổi và phát triển sinh kế hộ gia đình. Chẳng hạn, 44,4% những người được hỏi có vay vốn để làm ăn. Nguồn vốn vay chủ yếu từ các ngân hàng (64,0%), từ quỹ tín dụng (27,2%), hoặc vay từ người thân, bạn bè (“vay nóng”, với tỷ lệ không cao, số lượng ít với thời gian ngắn cho sinh hoạt trước mắt chứ phải cho sản xuất). Về hiệu quả sử dụng vốn, nghiên cứu cho thấy, trình độ học vấn, loại hình sinh kế của hộ, số thành viên trong gia đình, việc tham gia tổ chức xã hội là các nhân tố có ảnh hưởng đến việc sử dụng vốn của cộng đồng.

3.4. Nguồn lực tự nhiên

Nguồn lực tự nhiên chủ yếu là các loại đất canh tác, sản xuất, diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản,... như là yếu tố quan trọng trong phát triển sinh kế của người dân Bắc Từ Liêm. Theo số liệu thống kê, một phần đất nông nghiệp trên địa bàn quận đã được chuyển đổi mục đích sử dụng, thành các khu quy hoạch giao thông, khu tái định cư, khu đô thị mới,... Vào thời điểm hiện tại, đất như là nguồn lực tự nhiên không còn là thế mạnh đối với sinh kế của cộng đồng nơi đây. Theo Báo cáo của UBND huyện Bắc Từ Liêm, tính đến năm 2014, tổng diện tích tự nhiên trên địa bàn sau khi tách quận và chuyển đổi mục đích sử dụng là 43,26 km²



Biểu đồ 2: Mức độ thay đổi diện tích canh tác huyện Từ Liêm (1999-2013)⁵

Mục tiêu mở rộng và phát triển đô thị, thành phố đã thu hồi một diện tích lớn đất nông nghiệp, hệ quả dẫn đến một số địa bàn như Phú

⁴ UBND TP Hà Nội, *Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Từ Liêm đến năm 2020, định hướng đến năm 2030*, Hà Nội, 2013.

⁵ Số liệu do tác giả tổng hợp từ Niên giám thống kê, Chi cục thống kê huyện Từ Liêm (1999, 2009, 2013).

Diễn, Minh Khai, Cổ Nhuế 1, Xuân Đình đất nông nghiệp hầu như không còn, nhường chỗ cho việc xây dựng các khu đô thị, đường giao thông, khu thương mại, văn phòng, bến xe và nhiều cơ sở hạ tầng khác. Theo dự báo quá trình đô thị hóa sẽ diễn ra với tốc độ nhanh hơn nhiều lần so với thời gian qua, đòi hỏi phải có sự tính toán trước tất cả các vấn đề của đời sống kinh tế - xã hội liên quan đến sử dụng đất. Bắc Từ Liêm cần có mô hình quản lý, tổ chức sản xuất và hướng phát triển hài hòa, bền vững. Hiện nay người dân chủ yếu chuyển sang các ngành nghề phi nông nghiệp như mở quán cà phê, quán ăn sáng, bán ga, bán gạo, tạp hóa, mở cơ sở cắt tóc, giữ xe, may mặc, sửa xe, rửa xe... Những mục đích nuôi gia súc, gia cầm, trồng trọt như trước đây hầu như là rất hiếm.

3.5. Nguồn lực xã hội

Nguồn lực xã hội được xem xét trên các khía cạnh như: quan hệ trong gia đình, tập quán và văn hóa địa phương, các thiết chế cộng đồng, khả năng tiếp cận và cập nhật thông tin của người dân đối với sản xuất và đời sống.

Quá trình đô thị hóa tác động rất mạnh đến sự chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp và một số tập quán trong lao động sản xuất và sinh hoạt đời sống. Trong bối cảnh ấy, người dân Bắc Từ Liêm dường như đang tìm cách có kết với nhau hơn, giúp nhau trong đời sống và lao động sản xuất, tham gia vào các hoạt động của tập thể, của dòng họ và hàng xóm, láng giềng. Qua đó, họ tạo dựng được nguồn vốn xã hội với biểu hiện cụ thể là niềm tin, có đi có lại, mở rộng mối quan hệ trong kinh doanh, làm ăn, buôn bán. (Xem Bảng 1)

Từ bảng số liệu trên, có thể thấy mạng lưới quan hệ gia đình, dòng họ của người dân ở Bắc Từ Liêm khá mạnh. Tính cố kết cộng đồng chặt chẽ cũng là một yếu tố tích cực trong hoạt động kinh tế. Người dân đã biết cách khai thác nguồn vốn xã hội của mình trong các hoạt động cộng đồng tại địa phương để tìm kiếm các lợi ích trong phát triển kinh tế cho gia đình, chuyển đổi và phát triển sinh kế, thay đổi cuộc sống trong điều kiện mới.

Bảng 1. Quan hệ và hình thức hợp tác của người dân ở Bắc Từ Liêm (%)

Hình thức Quan hệ	Chung vốn để sản xuất	Cùng tham gia sản xuất	Trao đổi thông tin kinh nghiệm	Hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm
Anh em họ hàng	23.1	38.5	3.8	26.9
Người cùng xóm	11,5	47.4	10.5	36.8
Người ngoài xóm, cùng làng	6.5	51.6	6.5	32.3
Người ngoài làng	3.1	46.9	6.3	40.6
Bạn bè	7.7	46.2	38.5	7.7

Việc lan toả thông tin trong cộng đồng và hộ gia đình cũng đóng vai trò quan trọng đối với việc nâng cao vốn xã hội của người dân. Một khi thông tin được truyền tải kịp thời, đúng đối tượng sẽ giúp người dân hiểu biết tốt hơn về sản xuất, xu thế thị trường, hiểu biết xã hội, làm tăng sự tự tin, nâng cao hiệu quả sản xuất...

Có nhiều hình thức hợp tác, hỗ trợ nhau trong làm ăn kinh tế ngay cả khi không cần huy động nguồn vốn lớn. Nhưng để sản xuất có hiệu quả, sản phẩm có chất lượng thì cần một lượng tài chính nhất định để duy trì hoạt động. Như những quan điểm lý thuyết về cố kết cộng đồng - vốn xã hội đã khẳng định, vốn xã hội trong những điều kiện nhất định có thể được chuyển thành vốn kinh tế. Ở đây, người dân Bắc Từ Liêm đã huy động nguồn vốn xã hội của mình trong mạng lưới xã hội để huy động nguồn vốn kinh tế. Hình thức chung vốn để sản xuất - như một loại hình hợp tác này phổ biến nhất trong các quan hệ giữa anh em họ hàng, và chiếm 23,1%.

Ngoài chung vốn, dựa trên sự tin tưởng và các quan hệ quen biết, các gia đình ở Bắc Từ Liêm cũng cùng nhau tiến hành sản xuất tiểu thủ công nghiệp. Tuy không phải các làng nghề chuyên môn hóa cao, song chỉ với một số hộ gia đình sản xuất tiểu thủ công nghiệp cũng đã giúp Bắc Từ Liêm giải quyết được phần nào nguồn lao động dư thừa ở địa phương này. Đây cũng chính là sức mạnh của cộng đồng, dựa vào

cộng đồng mà thúc đẩy sinh kế của người dân. Tuy nhiên vốn xã hội ở đây mới chỉ dừng lại ở mạng lưới hỗ trợ từ bạn bè, họ hàng, láng giềng mà chưa có sự tham gia của nhiều hệ thống các tổ chức khác.

3.6. Tác động của các nguồn lực tới sự phát triển chung của Bắc Từ Liêm trong quá trình đô thị hoá

Những tiềm năng, lợi thế phát triển Bắc Từ Liêm có nguồn lao động dồi dào, chất lượng lao động khá tốt thể hiện ở tỷ lệ lao động qua đào tạo khá cao so với mặt bằng chung của thành phố. Tỷ lệ lao động trẻ có khả năng tiếp thu tiến bộ khoa học công nghệ hiện đại giúp cho Bắc Từ Liêm có điều kiện thuận lợi trong việc chuyển đổi nghề nghiệp và sinh kế cho cộng đồng.

Bắc Từ Liêm có thế mạnh rất lớn về dự trữ đất đai, với gần 4000 ha có thể chuyển đổi để xây dựng các khu đô thị mới bao gồm chủ yếu là đất nông nghiệp, đất ao, hồ đầm, mặt nước và đất chưa sử dụng, về mặt sinh thái, Bắc Từ Liêm là vùng có thời tiết thuận lợi, khí hậu ôn hoà, thảm thực vật phong phú phù hợp cho cuộc sống của dân cư. Với địa hình bằng phẳng, nguồn nước dồi dào và giao thông thuận lợi. Bắc Từ Liêm có thể quy hoạch xây và xây dựng các khu đô thị hoàn toàn mới từ đầu, đảm bảo yêu cầu tiên tiến, hiện đại là động lực lớn giúp cộng đồng dân cư nắm bắt cơ hội chuyển đổi loại hình sinh kế đảm bảo phát triển đời sống trong điều kiện mới.

Bắc Từ Liêm có vị trí thuận lợi, là đầu mối giao thông và giao lưu thương mại ở cửa ngõ phía Tây Bắc thành phố nên có điều kiện mở rộng quan hệ kinh tế, văn hoá với các địa phương vùng Tây Bắc, Việt Bắc và cả nước. Trong định hướng phát triển và mở rộng thủ đô trong thời gian tới Bắc Từ Liêm là địa bàn được ưu tiên phát triển nên sẽ thu hút các cơ quan, trường học, bệnh viện, các cơ sở văn hoá thông tin, các doanh nghiệp, trung tâm thương mại và dịch vụ... kéo theo các nguồn vốn đầu tư lớn tạo nên tốc độ tăng trưởng kinh tế cao. Giúp cộng đồng có định hướng phát triển sinh kế cho gia đình.

Bắc Từ Liêm tập trung nhiều cơ quan nghiên cứu, các viện nghiên cứu và một số

trường Đại học lớn, do vậy có điều kiện tiếp cận và ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ hiện đại, là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội trong thời gian tới.

Bên cạnh những tiềm năng và lợi thế hữu hình, Bắc Từ Liêm còn có lợi thế rất căn bản. Đó là lợi thế tinh thần vô cùng to lớn, tạo động lực mạnh mẽ cho công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá Bắc Từ Liêm nói riêng và Thủ đô Hà Nội nói chung trong bối cảnh phát triển và hội nhập hiện nay.

Những hạn chế và thách thức

Hiện tại Bắc Từ Liêm có quy mô dân số lớn và mật độ dân cư vào loại cao, điều này đồng nghĩa với những đòi hỏi lớn về nhu cầu nhà ở, các công trình công cộng, cơ sở hạ tầng trước hết là hệ thống giao thông, điện nước thông tin, bệnh viện, trường học và vấn đề giải quyết ô nhiễm môi trường..., gây nên áp lực lớn về phát triển hài hoà cơ cấu ngành kinh tế, phát triển nông nghiệp, quản lý đô thị, trước hết là quản lý đất đai, quản lý các luồng di dân, nhất là các luồng di cư đến.

Là quận mới được thành lập (12/2013), nên ngoài những khu vực được điều chỉnh là các vùng phát triển, phần lớn cơ sở hạ tầng còn kém, đòi hỏi phải chi phí nhiều tiền vốn và thời gian mới đáp ứng được yêu cầu của phát triển đô thị. Do vậy, trong thời gian tới sẽ tập chung đầu tư cho đô thị hoá, nông nghiệp sẽ phải phát triển trong điều kiện khó khăn về đầu tư.

Bắc Từ Liêm tuy có nguồn lao động dồi dào nhưng tỷ lệ lao động chưa đào tạo còn lớn, cơ cấu lao động còn mất cân đối, tỷ lệ chưa có việc làm còn cao. Quá trình đô thị hoá làm cho quỹ đất nông nghiệp giảm xuống nhanh chóng. Điều đó tạo sức ép lớn đối với vấn đề giải quyết việc làm, chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp cho lao động nông nghiệp bị mất đất, đặc biệt đối với bộ phận lao động trẻ.

Tình trạng ô nhiễm môi trường, những bức xúc về các vấn đề xã hội nảy sinh trong điều kiện kinh tế thị trường có xu hướng ngày càng gia tăng, Tình trạng cạnh tranh ngày càng gay gắt trong quá trình hội nhập kinh tế thế giới cũng đang đặt ra nhiều thách thức lớn cho phát

triển kinh tế-xã hội nói chung và vấn đề sinh kế của cộng đồng dân cư nói riêng ở Bắc Từ Liêm trong giai đoạn tới.

4. Nguồn lực tác động đến thực trạng sinh kế của cộng đồng dân cư quận Bắc Từ Liêm

Dưới tác động của các nguồn lực, sinh kế của cộng đồng dân cư quận Bắc Từ Liêm có sự thay đổi sâu sắc. Sự thay đổi này vừa trên góc độ vĩ mô toàn quận nhưng đồng thời vừa trên góc độ vi mô của từng hộ gia đình. Sự thay đổi đó có thể nhìn thấy qua quá trình chuyển đổi nghề nghiệp, đánh giá của người dân về chất lượng cuộc sống và sự thay đổi mức sống của các hộ gia đình ở Bắc Từ Liêm.

4.1. Chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp

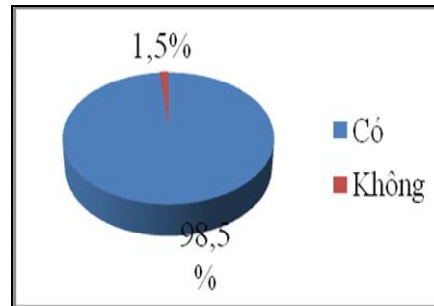
Trước tác động của quá trình đô thị hóa, cơ cấu nghề nghiệp của người dân Bắc Từ Liêm có nhiều biến đổi.

Kết quả khảo sát cho thấy chuyển đổi nghề nghiệp đã diễn ra ở hầu hết các hộ gia đình, đặc biệt sau khi bị thu hồi đất nông nghiệp.

Đây là hành động xã hội hợp lý của người dân nhằm mục đích đảm bảo cuộc sống của mình một cách tốt nhất trong điều kiện đất nông nghiệp bị thu hồi hết hoặc còn nhưng rất ít không thể tiếp tục phát triển trồng trọt, chăn nuôi. Hơn nữa, với diện tích còn lại rất ít, việc trồng lúa, trồng màu không mang lại hiệu quả do hầu hết các hệ thống thủy nông không còn, gây khó khăn cho việc trồng trọt. Sự thay đổi này cho thấy hiện nay nông nghiệp không còn chiếm vai trò quan trọng trong đời sống của nhân dân như trước nữa. Quá trình đô thị hóa nhanh đã làm cho cơ cấu kinh tế của Bắc Từ Liêm có sự thay đổi lớn theo hướng chuyển dần từ nông nghiệp sang công nghiệp xây dựng, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ thương mại và tỷ trọng các ngành này tăng nhanh hàng năm.

Theo số liệu thống kê của Chi cục thống kê của huyện Từ Liêm (cũ), trước thời điểm năm 2000 đa số các hộ gia đình ở địa phương đều làm ruộng, trồng trọt và chăn nuôi. Theo số liệu thống kê, hiện nay ở Bắc Từ Liêm chỉ còn tỷ lệ

rất thấp hộ làm nông nghiệp và chủ yếu là trồng hoa màu, cây cảnh và chăn nuôi nhỏ. Tổng diện tích đất nông nghiệp hiện còn khoảng 1508,3 ha, trong đó diện tích đất trồng lúa là 154,5 ha, đất trồng cây hàng năm 1353,8 ha.



Biểu đồ 3. Mức độ chuyển đổi nghề nghiệp của các hộ gia đình (%).

Nguồn: Số liệu điều tra tháng 9/2014 tại Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Nuôi trồng thủy sản ở Bắc Từ Liêm có xu hướng giảm. Chăn nuôi gia súc, gia cầm chủ yếu ở quy mô hộ gia đình, nhỏ và phân tán, chưa theo hướng tập trung công nghiệp. Nhìn chung, nuôi trồng thủy sản ở Bắc Từ Liêm hiện nay cho sản lượng thấp, quy mô không phát triển, hơn nữa quá trình thu hồi đất nhanh phục vụ cho phát triển đô thị, nên người dân không yên tâm đầu tư phát triển.

Công nghiệp chế biến và dịch vụ, thương mại là ngành có tốc độ phát triển cao, đóng góp 46,1% cho giá trị sản xuất chung toàn quận. Hình thức chủ yếu là dịch vụ cho thuê nhà và kinh doanh buôn bán nhỏ. Ngoài ra hiện nay trên địa bàn quận hệ thống các cửa hàng, quán xá phát triển rất mạnh nhằm phục vụ cho nhu sinh hoạt hàng ngày của dân cư. Nhiều cơ sở sản xuất, nhà xưởng, công ty, doanh nghiệp... được thành lập trong đó có cả của người dân ở địa phương hoặc từ nơi khác đến hoạt động. Nhiều cơ sở sản xuất, nhà xưởng, công ty, doanh nghiệp... được thành lập trong đó có cả của người dân ở địa phương hoặc từ nơi khác đến hoạt động.

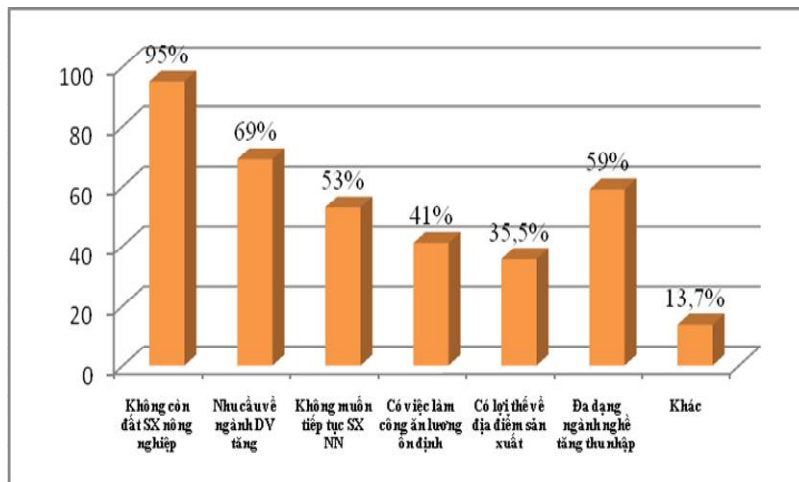
Tiểu thủ công nghiệp, nghề truyền thống: đây là ngành tương đối phát triển ở địa phương, hiện có khoảng 694 công ty TNHH đang hoạt động, trong đó xã Phú diễn có 70, Xuân Đình

60, Minh Khai 47, Cổ Nhuế 1 43,... Sản xuất tiểu thủ công nghiệp chủ yếu ở các lĩnh vực như: gia công cơ khí, xay xát, cửa hoa, cửa sắt, sản xuất đậu phụ, bánh kẹo, mứt, ô mai, nghề dệt vải Những ngành nghề này tuy mới nhưng nhanh chóng được người dân ở đây phát triển. Điều này cho thấy các hộ gia đình ở Bắc Từ Liêm đã biết cách đa dạng hóa các ngành nghề để tăng thu nhập và tạo thêm việc làm cho các thành viên trong gia đình.

Đặc biệt là trong lĩnh vực dịch vụ ở đây chủ yếu là dịch vụ cho thuê nhà trọ, các hàng ăn, nước giải khát, quán nét... Quá trình xây dựng và phát triển các dự án, những công trình đô thị đã đem lại cơ hội cho người dân tìm kiếm được công việc mới phù hợp với tình hình chung của địa phương. Việc chuyển đổi nghề nghiệp từ nông nghiệp sang các loại ngành nghề khác như dịch vụ, buôn bán... là một tất yếu phù hợp với quy luật chung của sự phát triển của đô thị. Mặt khác do các khu đô thị thu hút một lượng lớn lao động từ các địa phương khác đến và số

lượng học sinh, sinh viên khá lớn, để đáp ứng nhu cầu của lực lượng này đa số người dân đã phát triển các loại hình dịch vụ nhằm phục vụ cho các đối tượng trên.

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay thì việc đa dạng hóa ngành nghề là điều kiện thúc đẩy sự tăng thu nhập của các hộ gia đình, quá trình đa dạng hóa ngành nghề đã tạo ra nhiều nghề mới ở địa phương. Điều này cho thấy việc các khu đô thị, các dự án xây dựng trên địa bàn vừa là thách thức buộc các hộ phải chuyển nghề vì không còn đất nông nghiệp để sản xuất nhưng cũng là cơ hội để các hộ gia đình chuyển sang nghề nghiệp mới. Điều này được thể hiện rõ qua lý do chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp của người dân, kết quả khảo sát cho thấy lý do lớn nhất khiến các hộ gia đình chuyển nghề là do không còn đất canh tác, tiếp đó là lý do nhu cầu về ngành dịch vụ ở địa phương tăng 69%, lý do đa dạng hóa ngành nghề để tăng thu nhập 59% và 53% là tỷ lệ các hộ gia đình không muốn tiếp tục sản xuất nông nghiệp (xem biểu đồ dưới).



Biểu đồ 4. Lý do chuyển đổi nghề nghiệp (%).

Nguồn: Số liệu điều tra tháng 9/2014 tại Bắc Từ Liêm

Từ những phân tích trên về sự biến đổi của cơ cấu nghề nghiệp, lao động việc làm ở Bắc Từ Liêm cho thấy sinh kế của người dân đang bị tác động sâu sắc bởi quá trình đô thị hóa. Do đó, cần phải thiết lập các mô hình kinh tế thích hợp cho khu vực này, từ đó mới hy vọng xây

dựng các mô hình cư trú hợp lý trên nền tảng các làng xã ven đô hiện nay.

Đô thị hóa diễn ra một cách nhanh chóng đã tạo đà thúc đẩy sự chuyển đổi sinh kế của người dân, mặt đất là yếu tố chủ yếu tạo ra sự chuyển đổi nghề nghiệp của người dân ở địa phương. Sự

tập trung dân cư ở các vùng khác đến địa phương làm nhu cầu thuê nhà trọ tăng cao, để đáp ứng nhu cầu của một lực lượng đông đảo này thì việc chuyển đổi nghề nghiệp diễn ra cũng là điều dễ hiểu. Đa số các hộ gia đình đều phát triển dịch vụ kinh doanh nhà trọ, loại hình dịch vụ này không mất nhiều vốn mà lại dễ thu lợi và mang lại thu nhập cũng khá cao cho các hộ gia đình. Bên cạnh đó, thì các loại hình dịch vụ khác như ăn uống, giải trí thư giãn gọi đầu, cắt tóc cũng khá là phát triển.

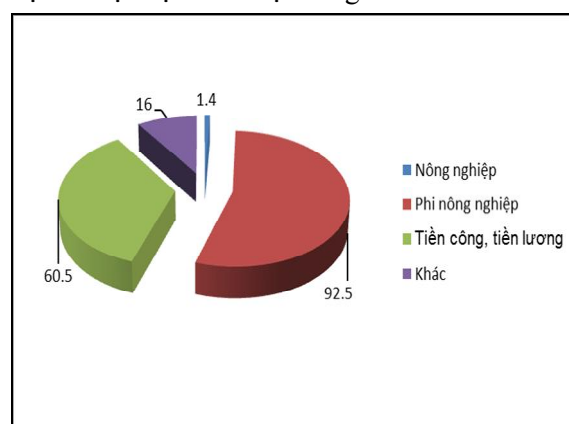
Có thể thấy rằng chính do quá trình thu hồi đất đã ảnh hưởng rất lớn đến đời sống của người dân, đa số các hộ gia đình phải chuyển đổi nghề nghiệp nhằm thích nghi với điều kiện sinh sống mới. Bên cạnh đó, tốc độ đô thị hóa của địa phương diễn ra nhanh chóng, nhu cầu về các dịch vụ đô thị tăng cao do đó người dân đã chuyển đổi nghề nghiệp theo hướng thương mại hóa nhằm đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng tại địa phương. Điều này có thể thấy rõ trong những năm gần đây, số lượng sinh viên và người đi làm ở các vùng miền khác tập trung về Bắc Từ Liêm rất lớn và có ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống kinh tế, xã hội ở địa phương, số lượng người về địa phương làm việc và cư trú ngày càng lớn, ảnh hưởng không nhỏ đến địa phương. Người thì ít mà quán thì nhiều, quanh đây nhà ai cũng mở các cửa hàng, quán xá. Không có việc làm khác nên mở quán bán hàng cho có việc và kiếm thêm thu nhập⁶. Bên cạnh đó, cũng có thể thấy chính việc các khu đô thị và quy hoạch làm đường giao thông tiến hành thu hồi đất khiến cho người dân không còn đất canh tác là nguyên nhân chủ yếu nhất khiến người dân phải chuyển đổi nghề nghiệp. Việc sản xuất nông nghiệp thường có thu nhập thấp không đáp ứng được nhu cầu cuộc sống người dân khiến họ phải tìm kế sinh nhai mới. Nhưng phải nói rằng nhờ có các dự án các chủ trương của các đơn vị về đóng trên địa bàn đã làm cho người dân có được cơ hội thuận lợi khi chuyển nghề đặc biệt là các nghề buôn bán, dịch vụ phục vụ nhu cầu người đi làm và sinh viên. Đồng thời với lý do chính khiến các hộ chuyển nghề là việc xây dựng khu đô thị

và đường giao thông, các công trình xã hội, an ninh quốc phòng còn các lý do khác khiến các hộ chuyển nghề như: sự tăng thêm lao động của gia đình, nhu cầu của người.

Từ việc mất đất, người dân phải chuyển đổi nghề nghiệp dẫn đến rất nhiều vấn đề trong xã hội, chúng ta sẽ đi xem xét tác động của quá trình này đến mức sống của các hộ gia đình ở phần dưới đây.

4.2 Đánh giá của người dân về chất lượng cuộc sống và mức sống

Hiện nay có nhiều tiêu chí để đánh giá chất lượng cuộc sống của cộng đồng. Những tiêu chí này được xây dựng tùy thuộc vào đặc điểm tập quán riêng của cộng đồng dân cư, song các tiêu chí này cũng chỉ xoay quanh việc thỏa mãn hai nhu cầu cuộc sống chủ yếu đó là nhu cầu về đời sống vật chất và nhu cầu về đời sống tinh thần. Đời sống tinh thần là sự thỏa mãn về nhu cầu học hỏi nâng cao trình độ tri thức, nhu cầu vươn đến cái chân thiện mỹ. Nó được thể hiện qua các hoạt động giải trí vui chơi, lễ hội, thể dục thể thao... Đời sống vật chất là sự đáp ứng về các phương tiện vật chất sinh hoạt hằng ngày như nhà cửa, phương tiện sinh hoạt, các thiết bị tiện nghi trong gia đình... Để đánh giá về chất lượng cuộc sống của cộng đồng dân cư quận Bắc Từ Liêm, nghiên cứu khảo sát các tiêu chí về loại nhà ở, các phương tiện sinh hoạt trong hộ và nhận định về cuộc sống.



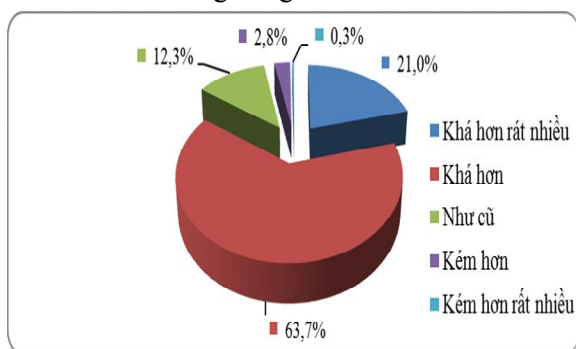
Biểu đồ 5. Các nguồn thu nhập của hộ gia đình năm 2014 (%)

Nguồn: Số liệu điều tra tháng 9/2014 tại Bắc Từ Liêm

⁶ Phòng vấn, bà Nguyễn Thị Huệ, 45 tuổi, nghề buôn bán nhỏ, thôn Mễ Trì Hạ, ngày 26 tháng 11 năm 2010.

Về thu nhập và chi tiêu, sự biến đổi trong đời sống kinh tế được ghi nhận một cách rõ nét trong mức thu nhập và cơ cấu nguồn thu của người dân. Theo số liệu báo cáo thu nhập bình quân đầu người của quận Bắc Từ Liêm liên tục tăng lên từ 4 triệu đồng/người/năm (2003) lên 52,3 triệu đồng/người/năm (2013), tăng thêm 48,2 triệu trong vòng 10 năm, gấp hơn 10 lần. Trong đó, hướng thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh ngành nghề phi nông nghiệp tăng mạnh. Nguyên nhân dẫn tới thu nhập tăng là do thị trường được mở rộng, có cơ hội làm việc nhiều hơn, buôn bán thuận lợi hơn, ngành nghề mới tốt hơn, đây là những nguyên nhân chính tạo ra thu nhập cao cho người dân. Ngoài ra còn có nhiều lí do khác như bán đất lấy tiền, lương tăng, người dân đầu tư vốn nhiều hơn vào kinh doanh nên thu nhập cũng cao hơn.

Đánh giá về đời sống kinh tế của hộ gia đình, đa số người dân rằng điều kiện, chất lượng cuộc sống của họ được cải thiện từng ngày. Nhìn chung đây là kết quả của việc phát triển kinh tế đã hướng tới việc thay đổi đời sống của cộng đồng dân cư theo tác động ngày càng tốt hơn, tăng trưởng hơn. Khảo sát về các loại sản phẩm dân dụng có trong hộ gia đình cho kết quả như sau: 96,5% hộ có ti vi, 74,5% hộ có đầu vi deo, 98,5% hộ có xe máy, 12% hộ có ô tô, 30,5% hộ có điều hòa,... Điều này cho thấy mức sống của người dân địa phương là khá đầy đủ so với các vùng nông thôn khác.



Biểu đồ 6: Kinh tế hiện nay của hộ gia đình so với trước năm 2000

Nguồn: Số liệu điều tra tháng 9/2014 tại Bắc Từ Liêm

Sự thay đổi đời sống của nhiều gia đình theo chiều hướng tích cực được thể hiện cụ thể

hơn ở sự đánh giá khách quan của người dân khi họ có đánh giá về kinh tế của gia đình họ hiện nay so với trước những năm 2000. Có 72,7% tỷ lệ người được hỏi cho rằng họ khá hài lòng về cuộc sống hiện nay, 10,7% cho rằng rất hài lòng và chỉ có 16,3% là không hài lòng. Điều này phù hợp với kết quả khảo sát về việc sử dụng thời gian rảnh của người dân cho thấy, đa số họ khẳng định khi có thời gian rảnh rỗi họ sẽ tiếp cận với các hoạt động văn hóa giải trí. 61,1% tham gia các hoạt động giải trí, 59,5% chọn phương án đi chơi hoặc gặp gỡ bạn bè, ngoài ra có thể tham gia một số hoạt động khác như nghỉ ngơi, đi du lịch, chơi thể thao cũng được nhiều người dân lựa chọn khi có thời gian rảnh rỗi.

5. Giải pháp đảm bảo sinh kế bền vững cho cộng đồng dân cư ven đô trong quá trình Đô thị hóa

Để ổn định và cải thiện đời sống cho người dân, tại vùng ven đô Bắc Từ Liêm cần có những giải pháp thiết thực để phát triển các nguồn lực, ổn định sinh kế bền vững cho cộng đồng dân cư.

Thứ nhất, về nguồn lực con người. Cần phải nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là nhân lực phục vụ cho phát triển nông nghiệp đô thị.

Thứ hai, về nguồn vốn tài chính, cần đa dạng hóa các loại hình hỗ trợ tín dụng cho người dân; mở rộng hoạt động tín dụng cho hộ dân nghèo, về số lượng tiền vay, thủ tục và thời hạn vay, phải gắn chặt với các đoàn thể, chính quyền địa phương và hệ thống khuyến nông, để đáp ứng đầy đủ nhu cầu vốn của người dân; Hỗ trợ cho những hộ dân thiếu tư liệu, thiếu đất hoặc không có đất sản xuất bằng vốn vay ưu đãi, cấp đất sản xuất phù hợp với địa bàn, ngành nghề và điều kiện sản xuất cụ thể.

Thứ ba, về phát huy nguồn vốn xã hội, tăng cường mối liên kết giữa các hộ, các cơ sở kinh doanh, sản xuất nông hộ trong toàn quận cũng như mối liên kết giữa các quận/huyện của Hà

Nội, giữa các tỉnh thành ở đồng bằng sông Hồng. Bên cạnh đó, cần khuyến khích các hình thức bảo hiểm trong nông nghiệp để người nông dân yên tâm trong sản xuất, phát triển kế sinh nhai.

Thứ tư, đảm bảo nhóm sinh kế nông nghiệp, trong điều kiện diện tích đất sản xuất nông nghiệp giảm mạnh, Bắc Từ Liêm cần quy hoạch sử dụng đất tiết kiệm, có hiệu quả, nhất là đất canh tác. Cố gắng duy trì diện tích đất trồng lúa, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực cả trước mắt và lâu dài trong quy hoạch phát triển kinh tế của vùng ven đô. Gắn chặt quy hoạch sản xuất nông nghiệp với quy hoạch phát triển công nghiệp, dịch vụ, tạo điều kiện để người dân giải quyết được việc làm tại chỗ.

Thứ năm, đảm bảo nhóm sinh kế xây dựng, nên hình thành các nhóm, tổ hoặc đội xây dựng để đảm bảo nhận được việc liên tục và có thể tham gia xây dựng các công trình có qui mô lớn.

Thứ sáu, đảm bảo nhóm thương mại dịch vụ, hỗ trợ hình thức cho vay vốn ban đầu, hỗ trợ phương tiện sinh kế ban đầu để tạo điều kiện cho họ làm dịch vụ và buôn bán; Hình thành các khu giải trí có tính thương mại và dịch vụ, liên kết đào tạo nghề; Hình thành các nhóm sinh kế lao động giúp việc nhà: thành lập các trung tâm môi giới, trung tâm giới thiệu việc làm để tìm việc và phân công giới thiệu người làm.

6. Kết luận

Sinh kế của cộng đồng dân cư quận Bắc Từ Liêm đã có những thay đổi sâu sắc trong thời gian qua, các nguồn lực sinh kế của cộng đồng dân cư đã có sự chuyển biến tích cực từ cấp độ cộng đồng đến cấp độ hộ gia đình. Trong đó nguồn vốn vật chất và nguồn vốn nhân lực có sự thay đổi nhanh nhất, là điều kiện cơ bản làm thay đổi cơ hội cho các chiến lược sinh kế của người dân.

Mỗi địa bàn, các hộ gia đình có điều kiện khác nhau về chuyên đổi, phát triển mô hình sinh kế. Bên cạnh những thuận lợi cho việc chuyển đổi và nâng cao sinh kế, cộng đồng dân cư quận Bắc Từ Liêm còn gặp không ít

khó khăn. Nguồn nhân lực đông về số lượng nhưng còn hạn chế về trình độ tay nghề. Cơ sở hạ tầng, mạng lưới giao thông tuy đã phát triển rộng khắp, song chưa đáp ứng yêu cầu đi lại và vận tải, ảnh hưởng đến sinh hoạt và sản xuất của các hộ dân. Như vậy, theo kết quả nghiên cứu thì sinh kế của cộng đồng dân cư ở Bắc Từ Liêm trong quá trình đô thị hóa tuy có chuyển biến, song còn thiếu bền vững. Chuyển sang môi trường đô thị, mọi chi phí sinh hoạt đều đắt đỏ hơn và còn phát sinh nhiều khoản chi phí mới. So với thời kỳ làm nông nghiệp, thì từ xã trở thành phường, nhiều hộ dân trở nên thiếu thốn nhiều thứ, khiến cuộc sống trở nên bấp bênh.

Để đảm bảo sinh kế bền vững cho cộng đồng dân cư ở quận Bắc Từ Liêm cần có sự kết hợp chặt chẽ giữa các cấp chính quyền và nhân dân để khắc phục những điểm yếu, nâng cao sinh kế của người dân. Quận Bắc Từ Liêm cần tiếp tục đổi mới chính sách hỗ trợ nguồn vốn; gắn sản xuất với bảo quản nông sản sau thu hoạch, chế biến và tìm kiếm thị trường tiêu thụ, sản xuất hàng hóa nông nghiệp chất lượng cao gắn với xuất khẩu trên cơ sở áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật; đa dạng hóa ngành nghề và nguồn thu nhập.

Tài liệu tham khảo

- [1] Chambers, R. and G. R. Conway (1991). Sustainable rural livelihoods: practical concepts for the 21st century, IDS Discussion Paper No 296
- [2] Chambers, Robert (1983), Rural development: Putting the last first, Longman Scientific & Technical, co-published in the United States with John Wiley & Sons, Inc., New York.
- [3] Carney, Diana (1998), Sustainable rural livelihoods, Russell Press Ltd, Nottingham.
- [4] Ellis, Frank (2000), Rural livelihoods and diversity in developing countries, Oxford University Press, Oxford.
- [5] Michael Leaf (2010), Những biên giới đô thị mới: Quá trình đô thị hóa vùng ven đô và (tái) lãnh thổ

hóa ở Đông Nam á, Việt Nam học, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế lần thứ 3, Việt Nam: Hội nhập và Phát triển, Tập IV, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, tr 461.

[6] Bùi Văn Tuấn (2013), “Đô thị hóa tác động đến sinh kế của cộng đồng dân cư vùng ven đô Hà Nội” Mã số: QG.14.63. Đề tài cấp Đại học Quốc gia Hà Nội.

Reality and Solutions to Ensure Sustainable Livelihoods for Hanoi Suburban Communities during the Urbanization Process

Bùi Văn Tuấn

*VNU Institute of Vietnamese studies and Development Science
Nguyễn Trãi str.336, Thanh Xuân, Hanoi, Vietnam*

Abstract: Livelihoods and sustainable livelihoods have an important role for all communities in the process of urbanization. Based on the approach of sustainable livelihoods framework, the article analyzes some theoretical issues of livelihood and applies them to conduct a research livelihoods of communities in suburban areas in the urbanization process by studying the case in the North of Tu Liem districts. The research is to assess the livelihood of communities of the North of Từ Liêm districts and identify the factors that facilitate and impede access to livelihood development resources by household. On that basis, we offer solutions to improve and ensure sustainable livelihoods for local communities as a result of the urbanization process in the context of development and integration.

Keywords: Livelihoods, livelihood resources, urbanization, communities, suburban, the North of Tu Liem district.